

Số: /TTr-UBND

Lào Cai, ngày tháng 10 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định
một số chính sách hỗ trợ người lao động của tỉnh Lào Cai đi làm việc
ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026-2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn Luật, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030, gồm các nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

- Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025

- Bộ luật Lao động ngày 20/11/2019;

- Luật Việc làm ngày 16/11/2013;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

- Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13/11/2020;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Nghị định 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành [Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật](#); Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất;

- Quyết định số 34/2025/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước;

- Quyết định số 16/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện hỗ trợ cho vay để ký quỹ tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với người lao động thuộc đối tượng chính sách đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc;

- Nghị quyết 59/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về tiếp tục thí điểm thực hiện đưa người lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc theo hình thức hợp tác giữa địa phương của hai nước

- Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

- Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Kế hoạch số 213-KH/TU ngày 05/6/2023 của Tỉnh uỷ Lào Cai (trước sáp nhập) và Kế hoạch số 111-KH/TU ngày 27/2/2023 của Tỉnh uỷ Yên Bái (trước sáp nhập) thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới.

- Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án đưa lao động tỉnh Yên Bái đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2024-2030 (viết tắt là Đề án 1557).

2. Căn cứ thực tiễn

Ngày 11/7/2024, Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái (trước đây) đã ban hành Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài, giai đoạn 2024-2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Chính sách trên được tiếp tục thực hiện trên địa bàn tỉnh Yên Bái (trước đây) theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn phần một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Thực hiện chính sách của trung ương và của tỉnh, từ năm 2024 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có gần 2.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đã có trên 600 lao động sơ tuyển và đăng ký tham gia thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND, căn cứ theo số lao động thực tế xuất cảnh, đã có trên 30 lao động (của tỉnh Yên Bái trước đây) được hưởng chính sách theo với tổng kinh phí 1.128,1 triệu đồng. Thu nhập của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ 15-50 triệu đồng/người/tháng, tùy vào từng thị trường, trong đó thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc đang có mức thu nhập cao. Nhiều lao động sau khi về nước đã tích lũy được một khoản thu nhập để phát triển kinh tế, từ đó vươn lên thoát nghèo và trở thành hộ khá.

Tuy nhiên, qua hơn một năm thực hiện Nghị quyết 45/2024/NQ-HĐND cũng có các tồn tại, hạn chế và phát hiện các bất cập; cụ thể là:

- Số người được hưởng chính sách hỗ trợ người lao động còn rất khiêm tốn, đến nay chưa có đối tượng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng dài hạn được hỗ trợ ban đầu (kể cả bù phần chênh lệch giữa trung ương và địa phương) và vay vốn theo Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND. Nguyên nhân là do:

+ Người lao động đăng ký đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng còn nhỏ lẻ, chưa tập trung, không thực hiện được việc đặt hàng đào tạo theo quy định. Riêng đối tượng đi lao động thời vụ tại Hàn Quốc được tuyển chọn tập trung, nhưng do chưa xây dựng được đơn giá đào tạo ngoại ngữ làm căn cứ để thực hiện phương thức đặt hàng (cũng là thực trạng chung của toàn quốc).

+ Người lao động được tuyển chọn, tham gia các khoá đào tạo, đã hoàn thành khóa học, đang chờ xuất cảnh không chủ động lấy các biên lai, hoá đơn,

chứng từ tham gia các khóa đào tạo, nên chưa được thanh toán (kể cả theo chính sách của trung ương cũng như theo Nghị quyết 45/2024/NQ-HĐND). Mặc dù số người đề nghị hỗ trợ số lượng nhiều, nhưng không đảm bảo về biên lai, hóa đơn, chứng từ nên không được giải quyết hỗ trợ.

+ Năm 2025 do việc tập trung sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, chuyển sang thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (bỏ cấp huyện) nên các doanh nghiệp dịch vụ xuất khẩu lao động có tâm lý nghe ngóng, giảm hoạt động; đồng thời hầu hết các Bản thỏa thuận hợp tác về lao động thời vụ tại Hàn Quốc do chính quyền cấp huyện của tỉnh Yên Bái (cũ) ký với các địa phương của Hàn Quốc cũng không có điều kiện triển khai. Mặt khác, chính sách hỗ trợ vay vốn của người lao động bị tạm dừng, do chưa có hướng dẫn sửa đổi quy trình cho vay vốn khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

- Nguy cơ người lao động làm việc theo thời vụ tại Hàn Quốc bỏ trốn khỏi nơi làm việc theo hợp đồng, cư trú bất hợp pháp sau khi hết hợp đồng là có thể xảy ra (lao động của một số huyện của tỉnh Yên Bái cũ trong năm 2023, 2024 đã có tình trạng này). Điều này sẽ làm ảnh hưởng đến hợp tác về lao động giữa 2 nước, uy tín của lao động tỉnh Lào Cai (theo quy định của Hàn Quốc nếu lao động bỏ trốn từ 20% trở lên sẽ dừng tiếp nhận lao động của địa phương sang làm việc). Trong khi các biện pháp chống trốn chưa đủ mạnh (chưa có quy định cụ thể về tài sản đảm bảo, chưa có người được giao chuyên trách quản lý, giám sát lao động tại chỗ tại Hàn Quốc).

- Việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên theo Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND còn chậm, mới dừng ở bước đào tạo nguồn; chưa có đối tượng đủ điều kiện xuất cảnh để được hỗ trợ chính sách.

Thị trường lao động ngoài nước đã và đang là một kênh quan trọng giải quyết việc làm góp phần giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, tạo điều kiện để người lao động học tập, trang bị thêm về chuyên môn kỹ thuật, ngoại ngữ, tác phong công nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tuy nhiên, để tham gia thị trường lao động ngoài nước, người lao động phải đáp ứng các yêu cầu về độ tuổi, trình độ, tay nghề, ngoại ngữ, ngoài ra người lao động cần phải có một khoản kinh phí nhất định để trang trải chi phí trước khi tham gia đi làm việc ở nước ngoài như: chi phí dịch vụ, chi phí đào tạo ngoại ngữ, chi phí khám sức khỏe, chi phí sinh hoạt. Những thị trường có thu nhập cao như: Nhật Bản, Hàn Quốc, châu Âu... chi phí trước khi đi làm việc ở nước ngoài trên 100 triệu đồng, chi phí này vượt quá khả năng tài chính của nhiều hộ gia đình, dẫn đến nhiều lao động có nguyện vọng, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động ngoài nước nhưng không thể tham gia đi làm việc ở nước ngoài.

Do vậy, để tạo điều kiện cho người lao động trong tỉnh tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo bền vững, đồng thời đảm bảo việc thực hiện chính sách hỗ trợ đưa lao động tỉnh Lào Cai đi làm việc ở nước ngoài được thực hiện đồng bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai (gồm tỉnh Yên Bái và tỉnh Lào Cai trước đây), các quy định tổ chức thực hiện phù hợp với

việc sắp xếp lại các cơ quan, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tháo gỡ được các khó khăn, vướng mắc trong thời gian qua thì việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ đưa lao động của tỉnh Lào Cai đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030 là rất cần thiết, góp phần đẩy mạnh đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh trong những năm tới, nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và trình độ cho người lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm nghèo bền vững và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh trong những năm tới.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Quy định cụ thể phạm vi, đối tượng áp dụng, nguyên tắc, điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ đối với một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030; nhằm đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội.

2. Quan điểm

- Bám sát chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Bao phủ toàn diện tất cả các nhóm đối tượng, theo thứ tự ưu tiên, đảm bảo chính sách không trùng chéo với các chính sách của trung ương. Đảm bảo phù hợp với nhu cầu hỗ trợ, tình hình thực tế việc thực hiện các chính sách hỗ trợ lao động đi làm việc ở nước ngoài hiện hành, đồng thời phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh;

- Kế thừa những quy định còn phù hợp của Nghị quyết đã ban hành trước đây, đồng thời điều chỉnh, bổ sung và thống nhất thành một nghị quyết mới nhằm khắc phục những tồn tại hạn chế. Không tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo trong Nghị quyết này vì đây không phải là đối tượng điều chỉnh của Luật Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị quyết 59/NQ-CP ngày 27/4/2020 của Chính phủ về tiếp tục thí điểm thực hiện đưa người lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc theo hình thức hợp tác giữa địa phương của hai nước; đồng thời thực tế việc triển khai thời gian qua không đạt hiệu quả.

- Tuân thủ đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành văn bản quy pháp pháp luật; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch; bảo đảm dân chủ trong việc nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành và áp dụng trong thực tế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định của Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn; xin ý kiến các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường; đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh; tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia; xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;

2. Sở Tư pháp đã có báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày / /2025 về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Căn cứ nội dung thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nội vụ tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, trình UBND tỉnh (Tờ trình số /TTr-SNV ngày / /2025).

3. Đảng ủy UBND tỉnh đã trình xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đã được thống nhất chủ trương tại Hội nghị ngày / /2025.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh đã xem xét, quyết định trình dự thảo Nghị quyết đến Hội đồng nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của Nghị quyết: Nghị quyết gồm 09 Điều.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh,

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ.

Điều 4. Một số chính sách hỗ trợ chi phí ban đầu

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đặc thù đối với chương trình đưa người lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc theo hình thức hợp tác giữa các địa phương hai nước

Điều 6. Chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Điều 7: Kinh phí thực hiện.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Điều 9. Hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ đưa lao động của tỉnh Lào Cai đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026-2030.

2.2. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động thường trú dài hạn (từ đủ 12 tháng trở lên) tại tỉnh Lào Cai có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài (trừ những trường hợp đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương), bao gồm:

a.1) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của Luật Người Lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gồm: Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký với đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện thỏa thuận quốc tế; Người lao động đi làm việc ở nước ngoài thông qua các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh thẩm định đủ điều kiện pháp lý hoạt động trên địa bàn tỉnh Lào Cai (sau đây gọi tắt là đối tượng 1).

a.2) Người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài theo Nghị quyết của Chính phủ về thí điểm đưa người lao động đi làm việc thời vụ theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước (sau đây gọi tắt là đối tượng 2).

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

2.3. Nguyên tắc hỗ trợ

- Người lao động nếu thuộc đối tượng chính sách hỗ trợ của Trung ương (bao gồm hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ; bồi dưỡng kiến thức cần thiết, chi phí ăn ở, đi lại, chi phí làm các thủ tục xuất cảnh và hỗ trợ vay vốn) thì không hưởng chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này.

- Đối với các đối tượng không thuộc diện hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương thì được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

- Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần chính sách của hỗ trợ của tỉnh. Trường hợp người lao động đã nhận hỗ trợ chi phí nhưng không tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì có trách nhiệm hoàn trả lại ngân sách (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng).

2.4. Một số chính sách hỗ trợ chi phí ban đầu

a) Đối với đối tượng 1:

a.1) Đào tạo nghề: Theo mức thu học phí thực tế của cơ sở đào tạo nghề nhưng tối đa không quá 2.500.000 đồng/người/khóa học.

a.2) Đào tạo ngoại ngữ: Theo mức học phí thực tế của từng khóa học và thời gian học nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/người/khóa học.

a.3) Tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo: 40.000 đồng/người/ngày thực học; tối đa 3.1200.000 đồng/người/khóa học.

a.4) Tiền ở trong thời gian đào tạo: 400.000 đồng/người/tháng; tối đa 1.200.000 đồng/người.

a.5) Tiền trang cấp đồ dùng cá nhân (quần áo đồng phục, chăn, màn, giày dép và đồ dùng cá nhân liên quan): 600.000 đồng/người.

a.6) Tiền đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi thường trú đến địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên: 300.000 đồng/người.

a.7) Chi phí làm thủ tục cấp hộ chiếu/giấy thông hành/giấy phép xuất cảnh: Tối đa không quá 200.000 đồng/người.

a.8) Chi phí cấp phiếu lý lịch tư pháp (chi cho đối tượng không được miễn phí theo quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp): Tối đa không quá 200.000 đồng/người.

a.9) Chi phí làm thủ tục xin cấp thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động; tối đa không quá 2.000.000 đồng/người.

a.10) Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tối đa không quá 750.000 đồng/người.

b) Đối với đối tượng 2: Được hưởng hỗ trợ chi phí ban đầu theo quy định tại các nội dung a.2, a.7, a.8, a.9 và a.10 nêu trên.

Các mức chi tại nội dung a.1, a.2 điều chỉnh giảm so Nghị quyết 45/2024/NQ-HĐND, bằng với mức thấp nhất của đối tượng được hưởng chính sách của Trung ương để đảm bảo sự hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên (đối tượng hưởng chính sách trung ương là đối tượng được ưu tiên hơn) và không phải bù kinh phí chênh lệch như Nghị quyết 45/2024/NQ-HĐND. Các nội dung hỗ trợ khác tương tự như Nghị quyết 45/2024/NQ-HĐND.

2.5. Chính sách hỗ trợ đặc thù đối với chương trình đưa người lao động đi làm việc thời vụ tại Hàn Quốc theo hình thức hợp tác giữa các địa phương hai nước

Cho phép Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai ký hợp đồng thuê khoán đối với người được giao nhiệm vụ quản lý lao động thời vụ tại Hàn Quốc.

a) Hình thức, nội dung: Hợp đồng thuê, khoán trọn gói công việc theo tháng đối với người được giao nhiệm vụ quản lý lao động thời vụ tại Hàn Quốc để quản lý, giám sát người lao động tỉnh Lào Cai đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng lao động với chủ sử dụng lao động, không bỏ trốn ra ngoài làm việc, không ở lại Hàn Quốc cư trú bất hợp pháp sau khi hết hợp đồng.

b) Số lượng người được thuê, khoán: Dựa trên số lao động tỉnh Lào Cai quản lý đang làm việc trên một địa bàn địa phương của Hàn Quốc (cấp quận/huyện/thành phố): Có từ 100 người lao động thời vụ trở xuống được thuê khoán 01 người quản lý.

c) Mức thuê khoán trọn gói: 25.000.000 đồng/người/tháng.

Nếu số lượng người lao động thời vụ ít hơn 50 người trên một địa bàn địa phương của Hàn Quốc (cấp quận/huyện/thành phố), thì mức thuê khoán được chi trả cho người quản lý là 15.000.000 triệu đồng/người/tháng.

2.6. Chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Nguyên tắc cho vay: Đúng đối tượng, bảo toàn vốn, công khai, minh bạch, hiệu quả.

b) Điều kiện và mức cho vay vốn:

- Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này khi được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng với đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp: Được vay tối đa 100 triệu đồng.

- Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này khi được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng với chủ sử dụng lao động: Được vay tối đa 40 triệu đồng.

c) Thời hạn vay vốn:

Thời hạn vay vốn không vượt quá thời hạn ghi trong hợp đồng ký kết giữa người lao động và các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, chủ sử dụng lao động.

d) Lãi suất vay vốn, nợ quá hạn: Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định từng thời kỳ, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn.

đ) Phương thức cho vay: Ngân hàng Chính sách xã hội cho các đối tượng đủ điều kiện vay trực tiếp tại Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Lào Cai hoặc Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội khu vực nơi người lao động thường trú.

e) Thủ tục, quy trình cho vay, giải nhân, định kỳ trả nợ, nợ lãi, thu nợ, thu lãi, xử lý nợ đến hạn, xử lý vi phạm; kiểm tra giám sát: Thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội hướng dẫn về nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

g) Thu hồi vốn ủy thác: Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội để hỗ trợ tín dụng ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài được thực hiện theo cơ chế cho vay quay vòng và thu hồi, hoàn trả về ngân sách địa phương sau khi kết thúc thời hạn vay vốn của người lao động.

2.7. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương hàng năm.

IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT

Kinh phí dự kiến giai đoạn 2026- 2030 là: 332.240 triệu đồng; trong đó:

- Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí ban đầu đối với người lao động là: 36.040 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương hỗ trợ cho vay vốn đối với người lao động: 280.000 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương hỗ trợ các hoạt động (quản lý, thông tin, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát): 16.200 triệu đồng.

(Gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết và hồ sơ liên quan)

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch các PCTUBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- VT....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH